TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN
Bản án số:16/2018/HSST
Ngày: 09/3/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và bà Đặng Thị Thêm.

T ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Nhật Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/ 2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đào Duy T, sinh năm 1987. HKTT, chỗ ở: thôn 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 12/12. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Đào Duy A- Sinh năm 1962. Con bà: Hoàng Thị Q- Sinh năm 1965. Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là út. Vợ: Nguyễn Thị B- Sinh năm 1988. Con: có 02 người, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/01/2018 đến ngày 27/01/2018 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Đào Văn L, sinh năm 1995. HKTT, chỗ ở: thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 09/12. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con bà: Đàm Thị A- Sinh năm 1966. Bị cáo là con duy nhất. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/01/2018 đến ngày 27/01/2018 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

Chị Nguyễn Thị B - sinh năm 1988. (Có mặt tại phiên tòa).
Trú tại: Thôn 1- xã Đ - huyện K- tỉnh Hưng Yên.

** Những người làm chứng*:

- Ông Đào Văn D - sinh năm 1973. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Bà Đào Thị A - sinh năm 1966. (Có mặt tại phiên tòa).

Đều trú tại: Thôn 3- xã Đ - huyện K- tỉnh Hưng Yên.

- Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1958. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Bà Hoàng Thị Q - sinh năm 1965. (Có mặt tại phiên tòa).

Đều trú tại: Thôn 1- xã Đ - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 30 phút ngày 24/01/2018, tại đoạn đường 205 thuộc thôn 3, xã Đ, huyện K, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu phối hợp cùng Công an xã Đ bắt quả tang Đào Duy T đang bê 01 thùng cát tông đặt sau xe môtô gắn biển số 89E1 - 077.14, bên trong thùng cát tông chứa 07 hộp pháo hình vuông giống nhau bên ngoài dán giấy màu vàng - đỏ, có ghi chữ nước ngoài có kích thước (15x15x15)cm, mỗi hộp có 36 ống hình trụ tròn liên kết với nhau đường kính mỗi ống là 2,5cm có khối lượng là 10,7kg (niêm phong ký hiệu I). Đồng thời, T đã tự giác về nhà mình ở thôn 1, xã Đ, huyện K lấy 02 thùng cát tông có chứa pháo giao nộp cho tổ công tác. Bên trong thùng thứ nhất chứa 18 hộp pháo, bên trong thùng thứ hai chứa 15 hộp pháo, các hộp pháo đều có đặc điểm: bên ngoài dán giấy màu vàng - đỏ và ghi chữ nước ngoài có kích thước (15x15x15)cm, mỗi hộp có 36 ống hình trụ tròn liên kết với nhau đường kính mỗi ống là 2,5cm có tổng khối lượng là 49,4kg (niêm phong ký hiệu là II và III). Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của T xe mô tô biển số 89E1 - 077.14.

Quá trình điều tra làm rõ: Ngày 20/01/2018, T có gặp một người đàn ông tên H tại khu vực Bệnh viện Đa khoa P thuộc huyện M, tỉnh Hưng Yên. H nói với T: "Anh gửi ít pháo nếu được thì anh trả công 4.000.000 đồng". T đồng ý nên H và T hẹn tối ngày 22/01/2018 gặp nhau ở khu Công nghiệp Pa để nhận pháo mang về nhà T cất. Đến hẹn, T lên gặp H để lấy pháo thì được H sử dụng xe cá nhân đưa về nhà ở thôn 1, xã Đ, huyện K cùng 40 hộp pháo hoa nổ được để trong 03 thùng cát tông. Sau khi cất giấu pháo xong, T đi ra quán Internet của gia đình ở thôn 3, xã Đ, huyện K. Tại đây, T có nói cho Đào Văn L là nhân viên trông quán Internet cho T biết việc H nhờ T cất hộ 40 hộp pháo tại phòng để đồ trên tầng 2 nhà mình và được trả công 4.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ ngày 23/01/2018, T bảo L điều khiển xe môtô biển số 89E1 - 077.14 đi về nhà T lấy 07 hộp pháo cho vào 01 thùng cát tông và mang để ở rìa đường 205 đối diện quán Internet để cho H đến lấy. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 24/01/2018, do không thấy H đến nhận pháo nên T bê thùng cát tông chứa 07 hộp pháo hoa bên trong lên xe môtô biển số 89E1 - 077.14 để mang về nhà cất thì bị phát hiện bắt giữ.

Ngày 24/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đào Văn L.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã gửi niêm phong I, II, III đi giám định. Tại bản kết luận giám định số 94/PC54 ngày 24/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Mẫu vật trong niêm phong ghi số I thu của Đào Duy T, bên trong có 07 khối hộp, bên trong mỗi khối hộp có 36 vật hình trụ có giấy được liên kết với nhau đều là pháo hoa có chứa thuốc pháo, khi đốt phát ra tiếng nổ và ánh sáng màu, có tổng trọng lượng là 10,7kg; Mẫu vật trong niêm phong ghi số II thu của Đào Duy T, bên trong có 18 khối hộp, bên trong mỗi khối hộp có 36 vật hình trụ có giấy được liên kết với nhau đều là pháo hoa có chứa thuốc pháo, khi đốt phát ra tiếng nổ và ánh sáng màu, có tổng trọng lượng là 27kg; Mẫu vật trong niêm phong ghi số III thu của Đào Duy T, bên trong có 15 khối hộp, bên trong mỗi khối hộp có 36 vật hình trụ có giấy được liên kết với nhau đều là pháo hoa có chứa thuốc pháo, khi đốt phát ra tiếng nổ và ánh sáng màu. Có tổng trọng lượng là 22,4kg.

Đối với xe mô tô biển số 89E1 - 077.14 được Đào Duy T sử dụng làm phương tiện phạm tội được xác định là tài sản thuộc sở hữu của T và vợ là chị Nguyễn Thị B. Chị B không biết việc T sử dụng xe mô tô trên để chở pháo và không biết việc T có cất giấu pháo nổ ở nhà.

Đối với người đàn ông tên H, T không biết địa chỉ, không nhớ đặc điểm nhận dạng, không nhớ biển số xe ô tô của H nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 17/QĐ-VKS-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã truy tố các bị cáo Đào Duy T và Đào Văn L về tội Vận chuyển hàng cấm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015);

Tại phiên toà hôm nay: Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận mọi diễn biến, hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T khẳng định được H gửi giữ pháo hoa nổ, T không biết mục đích của H tàng trữ pháo hoa nổ để làm gì, do ham lời nên T đã nhận giữ pháo cho H nhưng chưa được H trả tiền công.

Bị cáo L thừa nhận có biết việc T tàng trữ pháo như đã nêu trên nhưng đã không tố giác, ngăn cản mà còn giúp sức cho T trong việc tàng trữ pháo hoa nổ. Ngoài ra các bị cáo còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị B không biết việc T tàng trữ pháo hoa nổ trong nhà chị, T và L cũng không nói gì với chị về việc này. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89E- 077.14 mà bị cáo T, L sử dụng để vận chuyển pháo nổ mang trả cho anh H vào ngày 23/01/2018 là tài sản chung của hai vợ chồng chị, thông thường thì chiếc xe trên được dùng làm phương tiện đi lại hằng ngày cho cả hai vợ chồng. Việc bị cáo T và bị cáo L sử dụng chiếc xe trên

làm phương tiện chở pháo hoa nổ chị hoàn toàn không biết, nên chị B đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả chị toàn bộ chiếc xe trên.

Những người làm chứng là bà Đào Thị A và bà Hoàng Thị Q đều khẳng định không biết việc T, L tàng trữ hàng cấm cho đến khi T, L bị bắt thì gia đình mới biết cụ thể sự việc.

Tại phiên tòa những người làm chứng là ông Đào Văn D, ông Nguyễn Văn C đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án ông Đào Văn D, ông Nguyễn Văn C đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu thay đổi tội danh truy tố đối với bị cáo Đào Duy T và bị cáo Đào Văn L theo đó đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đào Duy T và Đào Văn L đều phạm tội Tàng trữ hàng cấm; Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 266; Điều 298 của BLTTHS năm 2015 đối với các bị cáo Đào Duy T và Đào Văn L; Đề nghị xử phạt: Bị cáo Đào Duy T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù, được trừ đi thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/01/2018 đến ngày 27/01/2018 là 03 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo T đi thi hành án phạt tù.

Bị cáo Đào Văn L từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù, được trừ đi thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/01/2018 đến ngày 27/01/2018 là 03 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo L đi thi hành án phạt tù.

- *Về hình phạt bổ sung:* Áp dụng khoản 4 Điều 191 của BLHS năm 2015; Điều 357 của BLDS năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Đào Duy T 10.000.000đ đến 15.000.000đ và buộc bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ nộp một lần.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thi hành án về khoản tiền phạt nêu trên nếu các bị cáo T chậm thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

- *Về vật chứng trong vụ án:* Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 54,1 kg pháo hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước giá trị ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89E- 077.14 kèm theo 01 đăng ký xe mang tên Đào Duy T số 005716 cấp ngày 06/02/2012, trả lại cho chị Nguyễn Thị B- sinh năm 1988, trú tại: Thôn 1- xã Đ- huyện K- tỉnh Hưng Yên ½ giá trị chiếc xe mô tô nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên:* trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đều khẳng định là bị cáo nhận giữ hộ 40 bánh pháo tương đương với 60,1kg pháo hoa nổ cho một người tên là H (T không biết họ, tên đệm, địa chỉ của H) với mục đích thu lời do H hứa trả công tàng trữ pháo cho T là 4.000.000đ, nhưng T cũng chưa được nhận số tiền này. Khi H giao pháo cho T thì H cũng chở T và pháo về nhà T cất giữ chứ không phải T tự vận chuyển pháo về nhà cất giữ. T cũng không biết mục đích H nhờ T giữ hộ pháo để làm gì, chỉ biết H bảo khi nào cần H sẽ đến lấy. T cũng thừa nhận H không bảo T vận chuyển pháo đi giao cho người khác hoặc đi tiêu thụ. Ngoài kể với L ra thì T không kể cho người khác biết, và cũng không ai biết T cất giấu pháo ở nhà trừ L.

Cũng tại lời khai của bị cáo Đào Văn L tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều khẳng định T có kể với L là H nhờ T giữ hộ 40 giàn pháo và trả công cho T 4.000.000đ, nên T đã bảo L về nhà T lấy 07 giàn pháo để trả cho H, nếu T bảo L lấy cả 40 giàn pháo đem ra để trả cho H thì L cũng sẽ làm theo vì trong thời gian làm thuê cho T thì T thường xuyên sai L về lấy đồ cho T. Mặc dù biết Pháo là hàng cấm nhưng L vẫn giúp T về lấy pháo giao trả cho H vì cả nể.

Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 36-37), Biên bản cân tịnh và niêm phong (BL 38-39), Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B (BL 65- 66), người làm chứng là ông Đào Văn D (BL 40- 43), ông Nguyễn Văn C (BL 44- 47), bà Đào Thị A (BL 67- 68), bà Hoàng Thị Q (BL 63- 64), Kết luận giám định số 94/PC54, ngày 24 tháng 01 năm 2018. Tại các lời khai, bản tự khai của T tại cơ quan điều tra T đều thừa nhận H chỉ nhờ gửi T cất hộ ít pháo chứ không yêu cầu T vận chuyển pháo cho H hoặc cho người khác, T cũng không biết mục đích H nhờ T cất giấu pháo hộ nhằm mục đích gì. Mặc dù giữa L và T không có sự hứa hẹn về việc cùng nhau tàng trữ số pháo nêu trên, tuy nhiên khi được T kể lại về thỏa thuận tàng trữ pháo giữa H và T thì L đã tiếp nhận ý chí của T, mặc nhiên đồng thuận cùng với T thực hiện việc tàng trữ pháo thể hiện ở việc: L không ngăn cản, tố giác mà còn giúp sức vận chuyển 07 giàn pháo đến điểm hẹn cho T. Tại thời điểm bị bắt L mới vận chuyển cho T 07 giàn pháo từ nhà T ra quán theo chỉ đạo của T. Tuy nhiên, L khai

nhận nếu T nhờ L vận chuyển hết số pháo T đang giữ thì L cũng sẽ vận chuyển cho T.

Do đó có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/01/2018 đến ngày 24/01/2018, Đào Duy T và Đào Văn L đã có hành vi tàng trữ 60,1 kg pháo hoa nổ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu phát hiện bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo T, L như trên đã cấu thành tội "Tàng trữ hàng cấm", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của BLHS năm 2015. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Đào Duy T và Đào Văn L theo tội danh "Vận chuyển hàng cấm" trong Cáo trạng số 17/QĐ-VKS-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 là chưa phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện VKSND huyện Khoái Châu đã thay đổi tội danh truy tố với cả hai bị cáo từ tội "Vận chuyển hàng cấm" sang tội "Tàng trữ hàng cấm" là phù hợp và có căn cứ được chấp nhận. So sánh tội "Vận chuyển hàng cấm" với tội "Tàng trữ hàng cấm" thì hai tội danh này ở trong cùng một điều luật có khung hình phạt bằng nhau, nên căn cứ vào Điều 298 của BLTTHS năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử các bị cáo Đào Duy T và Đào Văn L về tội "Tàng trữ hàng cấm".

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm chính sách độc quyền của nhà nước trong quản lý, sản xuất kinh doanh một số mặt hàng cấm được luật hình sự bảo vệ. Hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng vẫn tuyên truyền cảnh báo với mọi người về tác hại của sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ, pháo hoa nổ. Việc cấm sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và đốt pháo đã được nhà nước thực hiện nhiều năm qua, nhưng chưa có kết quả vì vẫn còn có những kẻ vì động cơ tư lợi như T và L.

Xét hành vi của các bị cáo thì thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó Đào Duy T giữ vai trò chính, bị cáo Đào Văn L là đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội tích cực.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nơi Tờng trú rõ ràng.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo T, L đều được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Sau khi xem xét nhân thân, diễn biến vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T, L

đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ pháo nổ, pháo hoa nổ là hành vi vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn nhận tàng trữ pháo hoa nổ để kiếm lời, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước. Do vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Thời gian đã tạm giữ của các bị cáo từ ngày 24/01/2018 đến ngày 27/01/2018 là 03 ngày được đối trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù theo điều 38- BLHS năm 2015.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T là A niên có sức khoẻ nhưng không chịu khó lao động để có một cuộc sống ổn định, có thu nhập chính đáng phục vụ cho bản thân, giúp ích cho gia đình, xã hội lại muốn thu lợi bất chính từ việc tàng trữ hàng cấm nên cần phải áp dụng khoản 4 Điều 191 của BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với bị cáo T theo mức phạt bị cáo Đào Duy T 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và buộc bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ nộp một lần. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thi hành án về khoản tiền phạt nêu trên nếu bị cáo T chậm thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 của BLDS năm 2015.

Đối với bị cáo L chỉ là người làm thuê, thu nhập thấp, đồng phạm với T vì cả nể chứ không được hứa hẹn thu lợi gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

[5] Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được một số vật chứng gồm: 60,1 kg pháo hoa nổ, tuy nhiên sau khi giám định xong thì khối lượng pháo hoàn lại là 54,1kg; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89E- 077.14 kèm theo 01 đăng ký xe mang tên Đào Duy T số 005716 cấp ngày 06/02/2012.

- Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật chứng trong vụ án được Nhà nước độc quyền quản lý, cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy 54,1kg pháo hoàn lại sau giám định.

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89E- 077.14: T thừa nhận có sai L lấy xe về nhà T chở 07 giàn pháo ra quán cho T. Mặt khác chính T cũng chủ động lấy xe để chở pháo về nhà khi H không đến lấy. Cả bị cáo T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị B đều khẳng định chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng, việc T và L sử dụng chiếc xe để vận chuyển pháo thì chị B không biết. Vì vậy, cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước giá trị ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89E-077.14 kèm theo 01 đăng ký xe mang tên Đào Duy T số 005716 cấp ngày 06/02/2012, trả lại cho chị B ½ giá trị chiếc xe mô tô nói trên.

[6] Về án phí: Các bị cáo T, L phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

/ Tuyên bố: Các bị cáo Đào Duy T và Đào Văn L đều phạm tội "Tàng trữ hàng cấm"

/ Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của BLHS năm 2015; Điều 298 của BLTTHS năm 2015 đối với các bị cáo Đào Duy T và Đào Văn L.

/ Xử phạt:

Bị cáo Đào Duy T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, được trừ đi 03 ngày tạm giữ nên bị cáo T còn phải chịu 02 (Hai) năm 05 (Năm) tháng 27 (Hai mươi bẩy) ngày tù, thời hạn tù tình từ ngày bị cáo đi thi hành án phạt tù.

Bị cáo Đào Văn L 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, được trừ đi 03 ngày tạm giữ nên bị cáo L còn phải chịu 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng 27 (Hai mươi bẩy) ngày tù, thời hạn tù tình từ ngày bị cáo đi thi hành án phạt tù.

/ Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 191- BLHS năm 2015; Điều 357 của BLDS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đào Duy T 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và buộc bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ nộp một lần.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thi hành án về khoản tiền phạt nêu trên nếu bị cáo T chậm thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

/ Vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 54,1kg pháo hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước giá trị ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89E- 077.14 kèm theo 01 đăng ký xe mang tên Đào Duy T số 005716 cấp ngày 06/02/2012, trả lại cho chị Nguyễn Thị B- sinh năm 1988, trú tại: Thôn 1- xã Đ- huyện K- tỉnh Hưng Yên ½ giá trị chiếc xe mô tô nói trên.

(Tình trạng vật chứng như trong Quyết định chuyển vật chứng số 14/QĐ-KSĐT ngày 31/01/2018 của VKSND huyện Khoái Châu).

/ Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đào Duy T và Đào Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

****/ Về quyền kháng cáo:*** Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/03/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- *VKSND huyện Khoái Châu;*
- *CA huyện Khoái Châu;*
- *Các bị cáo, người liên quan;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ.*
- *Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Hưng Yên*.

Nguyễn Thị Thu Hương